

Bản án số: 349/2020/HS-ST
Ngày 28-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Trực

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Thanh Thủy
2. Bà Hàn Hòa Thuận
3. Ông Trần Trung Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Công Lữ - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 444/2020/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4073/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị C;** giới tính: nữ; sinh ngày 17 tháng 02 năm 1965 tại Sài Gòn; thường trú: số A đường TQK, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: phòng số 4 nhà thuê số A2 đường DQH, phường B1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: NVB2 (chết) và bà: VTH (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng (chết) và 01 con (sinh năm 1988); tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 27/01/2010, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về “Tội Cướp giật tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2010/HSST – BL 63-65); ngày 22/6/2012, chấp hành xong án phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 634/GCN ngày 22/6/2012 của Giám thị Trại giam Xuân Lộc – BL 66); chưa thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, nộp phạt 10.000.000 đồng và lãi suất do chậm thi hành án (Công văn số 75/XMTHA ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận và Công văn số 156/VKS-P1 ngày 23/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – BL 67, 321);

Bị bắt, tạm giam ngày: 07/3/2019 (có mặt)

2. **Nguyễn Ngọc T**; giới tính: nam; sinh ngày 17 tháng 5 năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A1 đường DTH, phường B, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: phòng số 4 nhà thuê số A2 đường DQH, phường B1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: phụ hồ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; con ông: NVC3 và bà: NTKH1 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2015); tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt, tạm giam ngày: 07/3/2019 (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà Cao Thị Kiều Trang - thuộc Văn phòng Luật sư Kiều Trang, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị C (có mặt)

2. Ông Trần Ngọc Hòa - thuộc Công ty Luật TNHH Đại Việt, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Ngọc T (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông PTH, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A6, xã B4, huyện C4, tỉnh Bến Tre

2. Ông HNHM, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ:

Số A3 đường TQK, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Số A4 đường NTL, phường B2, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông NPH1, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ:

Số A5 đường NT, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số A6 đường NT, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

■ Diễn biến sự việc:

Lúc 10 giờ 30 phút ngày 07/3/2019, tại phòng số 4 nhà số A2 đường DQH, phường B1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Gò Vấp phối hợp với Công an Phường 6, quận Gò Vấp

kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị C về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ vật chứng (được giám định theo Kết luận giám định số 693/KLGD-H ngày 11/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh – BL 230-234):

- Tại gác lửng:

01 túi vải màu xanh bên trong có 02 gói nylon chứa 10 viên nén màu cam (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,2664 gam, loại Ketamine); 01 hộp kim loại bên trong chứa: 02 gói nylon chứa tinh thể không màu có khối lượng 0,4285 gam, loại Methamphetamine; 77 viên nén nhiều màu sắc khác nhau (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,7704 gam, loại Ketamine; 10,5403 gam, loại Ketamine, FUB-AMB; 12,3917 gam, loại Ketamine, FUB-144); 01 viên nén màu xanh dương (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4018 gam, loại Methamphetamine); 03 viên nén gồm 01 viên nén màu vàng, 01 viên nén màu đỏ và 01 viên nén màu xanh dương (qua giám định không tìm thấy ma túy).

- Tại sàn nhà:

+ 01 khay kim loại bên trong chứa 130 viên nén màu cam và các mảnh vụn (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 51,3523 gam, loại Ketamine, FUB-144); 94 viên nén màu xanh (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 33,5719 gam, loại FUB-144, FUB-AMB).

+ Tại ngăn kéo trên cùng bên phải tủ quần áo: 36 viên nén nhiều màu sắc khác nhau (qua giám định là ma túy, có khối lượng 11,7751 gam, loại Ketamine và 2,2701 gam, loại Ketamine, FUB-144).

+ Trong thùng nhựa: 185 viên nén màu cam (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 70,0938 gam, loại Ketamine, FUB-144) và 40 viên nén màu xanh (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 18,2762 gam, loại Ketamine).

+ Trong thùng nhựa: 1.745,6589 gam các chất bột nhiều màu sắc khác nhau (qua giám định không tìm thấy ma túy).

+ Trong thùng nhựa: 08 gói nylon chứa các chất bột nhiều màu sắc khác nhau (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 666,2927 gam, loại Ketamine; 193,8462 gam, loại Ketamine, FUB-144; 117,7773 gam, loại Ketamine, FUB-AMB và 284,05 gam, loại Ketamine, FUB-144, FUB-AMB); 06 gói nylon chứa chất bột màu xanh lá cây (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 967,89 gam, loại Methamphetamine, Ketamine); 03 bình nhựa chứa chất lỏng không màu có thể tích 2.000 ml (không tìm thấy ma túy).

Khi bắt quả tang các bị cáo C và T thì có mặt ông PTH, HNHM, NPH1 nên Công an quận Gò Vấp mời về trụ sở làm việc.

■ Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận:

- Nguyễn Thị C khai nhận:

Phòng số 4 nhà số A2 đường DQH, phường B1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh do bị cáo C thuê từ tháng 6/2017 để ở cùng con nuôi là Nguyễn Ngọc T. Các bạn của bị cáo T là ông H, ông M và ông H1 đến chơi và sử dụng ma túy đá khoảng 02-03 lần, mỗi lần ông H1 và ông H bỏ số tiền 200.000 đồng đưa cho bị cáo T mua ma túy về cùng sử dụng, dụng cụ sử dụng ma túy (bình thủy tinh có gắn nỏ thủy tinh và ống nhựa) là của T.

Trong đó, lần sử dụng ma túy cuối cùng là vào ngày 07/3/2019, ông H1 và ông H đến phòng trọ của bị cáo C chơi thì gặp C, T và ông M đang sử dụng ma túy nên bị cáo C rủ H1 và H cùng sử dụng, H1 và H đồng ý. Sau khi sử dụng hết ma túy, C tiếp tục lấy một ít ma túy đá từ trong bóp vải ra để cả nhóm tiếp tục sử dụng. Sử dụng ma túy được một lúc, ông H1 nói với các bị cáo C và T mua ma túy tiếp tục sử dụng đồng thời lấy 200.000 đồng để lên bàn và bỏ đi mua thức ăn. Lúc này, T gọi điện thoại cho 01 người phụ nữ tên L (không rõ lai lịch) đặt mua 200.000 đồng ma túy đá, khoảng 30 phút sau, đối tượng L đến giao ma túy cho T. Sau khi mua được ma túy, T đưa cho C lấy ra một ít ma túy đá bỏ vào nỏ thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy), cùng lúc này ông H1 vừa về nghe thấy C nói có ma túy rồi và C đang để gói ma túy vào dụng cụ cho cả nhóm cùng sử dụng (cả nhóm cùng sử dụng hết sau đó), ông H1 không biết bị cáo T và C đã giữ lại một ít để sử dụng riêng). Sau khi sử dụng hết một phần, số ma túy còn lại bị cáo T chia vào 02 gói nylon (có khối lượng 0,4285 gam) rồi đưa cho bị cáo C đem cất vào hộp kim loại trên gác để lần sau sử dụng tiếp. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày thì cả nhóm bị kiểm tra bắt quả tang cùng vật chứng như đã nêu.

Đối với số ma túy thu trong túi vải và trong hộp kim loại để trên gác thì bị cáo C khai là của bị cáo T, C không biết ở đâu T có. Riêng số ma túy và những vật dụng khác (các khối kim loại, máy ép, máy xay...) thu tại sàn nhà trọ là do đối tượng H2 (không rõ lai lịch, là bạn của T) đem đến gửi. Cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần, khi bị cáo C vừa đi làm về thì nghe trong nhà có tiếng ồn nên C bảo đối tượng H2 mở cửa, C nhìn thấy H2 đang ngồi xay bột và ép thành viên thuốc lắc nên C không đồng ý cho H2 tiếp tục ở nhà của C nữa, H2 hứa sẽ dọn đi. Tuy biết là ma túy nhưng C vẫn để mặc cho đối tượng H2 cất giữ tại nhà trọ của mình khi H2 bỏ đi đâu không rõ cho đến ngày 07/3/2019 thì bị kiểm tra thu giữ như đã nêu. Ngoài ra, C không nhìn thấy T phụ giúp H2 xay bột, ép thành viên ma túy thuốc lắc nên C không biết T có biết và tham gia phụ giúp H2 làm ma túy thuốc lắc hay không.

- Nguyễn Ngọc T khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị C.

Bên cạnh đó, bị cáo T khai nhận cách ngày bị bắt khoảng 01 tháng, bạn của bị cáo tên H2 đến xin ở nhờ tại phòng trọ của C và được C đồng ý, sau đó H2 mang theo nhiều đồ vật và dụng cụ để ở sàn nhà trọ nhưng T không để ý và không biết mục đích để làm gì. T không biết việc C nhìn thấy H2 xay ép thuốc lắc và đuổi H2 đi; cho đến khi công an đến kiểm tra thì T mới biết H2 đem bột ma túy và các dụng cụ để làm thuốc lắc. Bị cáo T không biết và không tham gia

ép viên ma túy thuốc lắc cùng đối tượng H2. Đối với số ma túy trong túi vải để trên gác, T khai đây là ma túy của H2 cho T cất giấu nhưng chưa kịp sử dụng thì bị thu giữ cùng với 02 gói ma túy đá của T đưa cho C cất giấu ngày 07/3/2019.

- Ông PTH, ông HNHM khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Thị C. Riêng ông NPH1 chỉ thừa nhận đã đưa cho các bị cáo T và C 200.000 đồng mua ma túy đá và cùng nhau sử dụng hết. Đối với số ma túy bị thu giữ của các bị cáo T, C, các ông H1, H, M không biết là của ai.

Tại bản Cáo trạng số 156/CT-VKS-P1 ngày 13/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Nguyễn Thị C về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 249 và điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nguyễn Ngọc T về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng ghi nhận, riêng bị cáo Nguyễn Thị C thừa nhận số ma túy bị thu giữ tại nhà là của đối tượng tên H2 (được bị cáo cho ở nhờ) để lại, thừa nhận việc bị cáo và T cùng các đối tượng khác có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày bị bắt quả tang nhưng cho rằng không thấy đối tượng H2 xay hay ép thuốc lắc như bản Cáo trạng đã ghi nhận.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhận định việc bản Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Trên cơ sở áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo như sau:

1. Nguyễn Thị C:

Xử phạt bị cáo tù chung thân về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt bị cáo từ 09 đến 10 năm tù về “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: tù chung thân;

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước;

2. Nguyễn Ngọc T:

Xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù về “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: từ 13 đến 15 năm tù;

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng;

Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng đề nghị xử lý phần tang vật theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị C thống nhất tội danh và điều khoản mà bản Cáo trạng truy tố đối với “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (cha mẹ và chồng của bị cáo đều đã qua đời) để áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên. Riêng đối với “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Luật sư cho rằng tuy phòng số 4 là do bị cáo thuê, bị cáo đã cho đối tượng H2 đến ở nhưng bị cáo khẳng định không biết việc H2 đã để lại số ma túy (bị thu giữ trong vụ án) tại phòng thuê của bị cáo. Do đó, xét về ý thức chủ quan, bị cáo không biết việc có số ma túy này nên chưa đủ căn cứ buộc tội bị cáo, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo C không phạm “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T thống nhất tội danh và điều khoản mà bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo để có mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị: bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ hợp tác với Cơ quan điều tra đã cung cấp hình dạng, nơi ở của đối tượng H2 cho Cơ quan điều tra để Cơ quan điều tra truy xét; bị cáo là người nghiện ma túy, không có công việc ổn định, có 01 con nhỏ; phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự...

Đối đáp với quan điểm bào chữa của các Luật sư, đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, Kiểm sát viên cho rằng việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng xét xử. Đối với bị cáo Nguyễn Thị C, quá trình điều tra đã chứng minh được bị cáo biết việc có lượng ma túy được cất giấu trong phòng số 4, máy móc và ma túy được cất giữ trong một diện tích phòng nhỏ, trên sàn và trên gác đều có, bản thân bị cáo tại Cơ quan điều tra đã khai nhận tận mắt chứng kiến đối tượng H2 sản xuất ma túy nên đã đuổi H2 ra khỏi nhà; vì vậy, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm bị cáo phạm “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Một số nội dung tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm

quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[1.2] Về địa chỉ chỗ ở của các bị cáo Nguyễn Thị C và Nguyễn Ngọc T:

Căn cứ vào diễn biến thực tế của vụ án, được tái xác định tại Công văn số 156/VKS-P1 ngày 23/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử ghi nhận địa chỉ chỗ ở của các bị cáo C, T như phần đầu bản án thể hiện (phòng số 4 nhà thuê số A2 đường DQH, phường B1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh).

[1.3] Về thông tin con của bị cáo T:

Hội đồng xét xử căn cứ vào bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và bản sao Giấy khai sinh (cùng ở BL 319, nội dung: bị cáo Nguyễn Ngọc T có đăng ký kết hôn cùng bà HTML1; cháu NHLN sinh ngày 20/11/2015 có cha là Nguyễn Ngọc T) cùng Công văn số 156/VKS-P1 ngày 23/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (BL 321) để xác định thông tin ghi nhận tại hoàn cảnh gia đình của bị cáo trong phần đầu bản án.

[1.4] Về thủ tục thông báo người bào chữa tham gia tố tụng đối với Luật sư Trần Ngọc Hòa (bào chữa chỉ định của bị cáo Nguyễn Ngọc T):

Quá trình điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Yêu cầu điều tra số 1120/YC-VKS-P1 ngày 23/10/2019 (BL 20) yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh cử Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Ngọc T. Yêu cầu này phù hợp với Đơn đề nghị cử Luật sư ngày 12/12/2019 của bản thân bị cáo T (BL 126) nên ngày 13/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có Thông báo về việc đăng ký bào chữa số 747-43A về việc Luật sư Trần Ngọc Hòa là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T (BL 129).

Trên cơ sở khoản 6 Điều 78 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (giá trị sử dụng của văn bản thông báo người bào chữa) và thực tế quá trình tố tụng vụ án cùng nội dung tại mục 1.2 Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 94/2020/HSST – QĐ ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (BL 311-313; đề nghị xem xét về khung hình phạt (điều khoản) đã truy tố đối với T), Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn xác định Luật sư Trần Ngọc Hòa tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T. Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu được Luật sư Trần Ngọc Hòa tiếp tục bào chữa nên quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo vẫn được đảm bảo.

[2] Quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được, bản kết luận giám định... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án như bản Cáo trạng ghi nhận, cụ thể:

Vì để thỏa mãn tình trạng nghiện ma túy của bản thân, các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Ngọc T đã nhiều lần sử dụng địa điểm và cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy của mình cho ông PTH, HNHM và NPH1 sử dụng trái phép chất ma túy. Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 07/3/2019, các bị cáo C và T tiếp tục cùng các ông H, M, H1 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng thuê của bị cáo C (phòng số 4 nhà số A2 đường DQH, phường B1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bị kiểm tra, bắt quả tang. Bên cạnh đó, Cơ quan điều tra cũng thu giữ các viên nén, tinh thể, chất bột... qua giám định xác định là ma túy ở thể rắn, các bị cáo C, T khai nhận các chất ma túy bị thu giữ một phần là do đối tượng H2 (không rõ nhân thân, lai lịch) để lại phòng thuê của bị cáo C, một phần là ma túy được mua về để sử dụng.

Các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Ngọc T nhận thức được ma túy là chất gây nghiện độc hại, các hoạt động liên quan đến ma túy chịu sự quản lý và kiểm soát nghiêm ngặt của Nhà nước theo các quy định pháp luật, nhận thức được việc sử dụng chất ma túy không chỉ gây thiệt hại về vật chất cho gia đình, xã hội mà còn hủy hoại sức khỏe của bản thân, có thể dẫn đến việc lây nhiễm các căn bệnh hiểm nghèo, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

Từ các lập luận trên, đối chiếu các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Ngọc T phạm “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 249, Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra, điều tra bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị C là người trực tiếp thuê và trả tiền thuê từ tháng 6/2017 (không làm hợp đồng thuê) và sau đó, bị cáo Nguyễn Ngọc T đến ở cùng. Trong thời gian này, bị cáo C đã cho các ông PTH, HNHM và NPH1 đến sử dụng ma túy tại phòng trọ; đồng thời, bị cáo C còn cùng bị cáo T cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cho những người này sử dụng. Bị cáo T chỉ thừa nhận đã đưa cho bị cáo C số ma túy cất giữ trên gác lửng cùng với số ma túy đối tượng H2 cho trước đó sử dụng chưa hết thì bị thu giữ; T không biết số ma túy mà đối tượng H2 để lại tại phòng trọ do C thuê. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 32,7991 gam các chất ma túy ở thể rắn (gồm: 0,8303 gam, loại Methamphetamine; 9,0368 gam, loại Ketamine; 10,5403 gam, loại Ketamine, FUB-AMB; 12,3917 gam,

loại Ketamine, FUB-144), thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 2.449,9947 gam các chất ma túy ở thể rắn (gồm: 0,8303 gam, loại Methamphetamine; 705,3808 gam, loại Ketamine; 967,89 gam, loại Methamphetamine, Ketamine; 329,9541 gam, loại Ketamine, FUB-144; 128,3176 gam, loại Ketamine, FUB-AMB; 33,5719 gam loại FUB-144, FUB-AMB; 284,05 gam, loại Ketamine, FUB-144, FUB-AMB) thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Ngọc T phải cùng chịu trách nhiệm hình sự theo trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và “đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, năm 2010, bị cáo C bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về “Tội Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy, bị cáo C đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”) và điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”).

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Ngọc T trong trường hợp phạm nhiều tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo C tuy không thừa nhận biết việc có ma túy tại nhà nhưng thừa nhận trách nhiệm hình sự vì có ma túy trong căn phòng do bản thân quản lý nên trên cơ sở nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để buộc các bị cáo nộp phạt một khoản tiền sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[3] Đối với ông PTH, HNHM và NPH1: Đây là những người đến sử dụng ma túy tại phòng số 4 nhà số A2 đường DQH, phường B1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, không liên quan đến việc tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị

cáo T và C nên Công an quận Gò Vấp chuyển giao cho Công an Phường 6, quận Gò Vấp xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với các đối tượng tên L, H2: do các bị cáo T và C khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

[4] Vật chứng của vụ án:

■ Đối với số ma túy chứa trong 09 gói niêm phong: Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với 15 khối kim loại hình tròn, 03 khối kim loại hình vuông, 12 khối kim loại hình trụ, 02 mũi khoan, 02 khối kim loại hình lục giác, 01 bình nhựa có gắn ống thủy tinh và ống hút, , 01 cái máy ép, 01 cái máy xay, 01 cái cân tiểu ly: hiện không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

■ Đối với 03 cái điện thoại di động (thu giữ từ các bị cáo): quá trình điều tra thể hiện đây là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và lập luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn Thị C không phạm “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra thể hiện bị cáo C có lần chứng kiến đối tượng H2 dùng máy xay và máy ép ma túy tại phòng số 4 nên đã đuổi H2 đi (Bản tự khai; Biên bản hỏi cung bị can có Luật sư bào chữa của bị cáo tham gia – BL 74, 75, 96-97); lượng ma túy và máy móc bị thu giữ và niêm phong có sự chứng kiến của bị cáo (Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ – BL 26-32, 33-34, 35-36) và như Kiểm sát viên nhận định, các biên bản cũng thể hiện lượng ma túy trên được để ở nhiều vị trí trong phòng thuê, bản thân bị cáo C là người thuê phòng và trực tiếp ở, quản lý phòng này nên việc bị cáo cho rằng không kiểm tra trong các thùng chứa mà đối tượng H2 để lại cất giữ vật gì nên không biết số ma túy khi bị bắt quả tang có tại phòng là không có căn cứ. Quá trình điều tra và điều tra bổ sung đều thể hiện bị cáo C phải chịu trách nhiệm đối với lượng ma túy bị thu giữ tại phòng số 4. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận đề nghị này của Luật sư.

Đề nghị xem xét áp dụng cho các bị cáo C và T tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải (đối với mức hình phạt chính); đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn (đối với mức hình phạt bổ sung) của các Luật sư có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 249; điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo C);

Căn cứ vào điểm n khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T);

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

■ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Ngọc T phạm “Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Xử phạt:

1. Nguyễn Thị C: tù chung thân về ¾T□i Tñg tr□ trğ phph ch□t ma ty¿, 09 (chín) năm tù về ¾T□i T□ ch□c s□ d□ng trğ phph ch□t ma ty¿;

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội: tù chung thân.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 07/3/2019 .

Buộc bị cáo Nguyễn Thị C nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về ¾T□i Tñg tr□ trğ phph ch□t ma ty¿, □ sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Nguyễn Ngọc T: 05 (năm) năm tù về ¾T□i Tñg tr□ trğ phph ch□t ma ty¿, 08 (tám) năm tù về ¾T□i T□ ch□c s□ d□ng trğ phph ch□t ma ty¿;

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội: 13 (mười ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2019 .

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng về ¾T□i Tñg tr□ trğ phph ch□t ma ty¿, □ sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Tịch thu tiêu hủy:

09 (chín) gói niêm phong vụ số 693 (gói 1,2,3,4,5,6,7,8,9) bên ngoài có chữ ký niêm phong của giám định viên Phan Tấn Quốc, cán bộ điều tra Võ Văn Tèo, bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; mã số: GNP/BB197.

- 35 (ba mươi lăm) cái có mã số: linhtinh/BB197, gồm:

+ 15 (mười lăm) khối kim loại hình tròn,

+ 03 (ba) khối kim loại hình vuông,

+ 12 (mười hai) khối kim loại hình trụ,

- + 02 (hai) mũi khoan,
- + 02 (hai) khối kim loại hình lục giác,
- + 01 (một) bình nhựa có gắn ống thủy tinh và ống hút.
- 02 (hai) cái máy có mã số: MAYMOC/BB197, gồm:
 - + 01 (một) cái máy ép,
 - + 01 (một) cái máy xay.
- 01 (một) cái cân tiểu ly, mã số: CAN/BB197.

■ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) cái điện thoại hiệu Samsung (không nắp lưng); mã số: ĐT DD 01/BB197.

- 01 (một) cái điện thoại hiệu Sony (bể nát); mã số: ĐT DD 02/BB197.

- 01 (một) cái điện thoại hiệu Qmobile (không pin); mã số: ĐT DD 03/BB197.

(Tang vật vụ án theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2020/197 ngày 26/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh – BL 265)

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (2)
- Người có QLNVLQ; (6)
- Luật sư; (2)
- Thi hành án hình sự; (3)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (35) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan